

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN PHÚ LƯƠNG
TỈNH THÁI NGUYÊN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: **05/2025/DSST**

Ngày 15-4-2025

"V/v: Tranh chấp Hợp đồng tín dụng"

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN PHÚ LƯƠNG - TỈNH THÁI NGUYÊN

Thành phần hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Chu Thị Bích Hiền

Các hội thẩm nhân dân: Ông Hoàng Văn Khởi – Bà Ninh Thị Tám

Thư ký phiên tòa: Bà Nông Thị Diễm, Thư ký Tòa án nhân dân huyện Phú Lương, tỉnh Thái Nguyên.

Đại diện VKSND huyện Phú Lương, tỉnh Thái Nguyên: ông Triệu Đức Hoàng – Kiểm sát viên

Ngày 15 tháng 4 năm 2025, tại Hội trường Tòa án nhân dân huyện Phú Lương xét xử sơ thẩm công khai vụ án Dân sự sơ thẩm thụ lý số: 60/2024/DS-TLST ngày 28 tháng 10 năm 2024 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 08/2025/QĐXX-DSST ngày 21/3/2025 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Quỹ tín dụng nhân dân P

Địa chỉ trụ sở: T2, TT Đu, huyện P, tỉnh Thái Nguyên

Người đại diện theo pháp luật: ông Lôi Đình Q-chức vụ: Chủ tịch Hội đồng quản trị. Người đại diện theo ủy quyền: ông Trần Quốc V, sinh năm 1989, chức vụ Phó giám đốc điều hành (Theo Giấy ủy quyền số 78/UQ-QTD ngày 14/10/2024 của Chủ tịch Hội đồng quản trị Quỹ tín dụng nhân dân P) (có mặt)

2. Bị đơn: Bà Đình Thị M, sinh năm 1974 (có đơn xin xử vắng mặt)

Nơi thường trú: tổ dân phố B, thị trấn G (trước đây xóm B, xã P), huyện P, tỉnh Thái Nguyên

3. Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan: ông Phạm Đăng T, sinh năm 1972, tổ dân phố B, thị trấn G (trước đây xóm B, xã P), huyện P, tỉnh Thái Nguyên (đề nghị xét xử vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN

* Tại đơn khởi kiện, bản tự khai và tại phiên tòa đại diện Quỹ tín dụng nhân dân P (viết tắt Quỹ tín dụng) trình bày: Ngày 27/12/2017 giữa Quỹ tín dụng với bà Đình Thị M ký kết hợp đồng tín dụng số 5601 ngày 27/12/2017 (viết tắt Hợp đồng 5601) theo đó Quỹ tín dụng cho bà M vay số tiền 200.000.000 đồng (Hai trăm triệu đồng) mục đích sử dụng mua xe ô tô, thời hạn vay 48 tháng tương đương với 48 kỳ hạn trả nợ, khách hàng trả gốc và lãi vào ngày 27 hàng tháng,

ngày bắt đầu trả nợ kể từ ngày 27/01/2018, thời hạn trả nợ cuối cùng là ngày 27/12/2021; Lãi suất cho vay là 1%/tháng, áp dụng lãi suất cho vay có điều chỉnh, Quỹ tín dụng có trách nhiệm thông báo cho bà M về mức lãi suất cho vay điều chỉnh (nếu có sự thay đổi) áp dụng cho kỳ tiếp theo. Trường hợp bà M không trả được nợ đúng hạn mà không có thỏa thuận nào khác thì phải chịu lãi suất nợ quá hạn bằng 150% lãi suất cho vay có điều chỉnh tại thời điểm chuyển nợ quá hạn theo thông báo của Quỹ tín dụng tính trên số nợ quá hạn. Hình thức bảo đảm tiền vay bằng thu nhập từ tiền lương, trợ cấp và các khoản thu thập khác, trường hợp không thực hiện đúng điều khoản trong hợp đồng tín dụng phải thực hiện biện pháp bảo đảm bằng tài sản trả cho Quỹ tín dụng.

Sau khi ký kết hợp đồng Quỹ tín dụng đã giải ngân số tiền vay cùng ngày, bà M đã ký xác nhận đã nhận tiền vào Phụ lục hợp đồng (kèm theo Hợp đồng 5601). Trong quá trình thực hiện Hợp đồng tín dụng, bà Đinh Thị M đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ cho Quỹ tín dụng từ ngày 28/12/2019, nguyên đơn đã nhiều lần đôn đốc, yêu cầu bà M trả nợ nhưng bà M vẫn không thực hiện trả nợ, tính đến ngày 21/8/2024 bà M đã trả cho Quỹ tín dụng số tiền là 132.055.000 đồng (trong đó nợ gốc: 96.600.000 đồng, nợ lãi 35.455.000 đồng). Do đó, Quỹ tín dụng khởi kiện yêu cầu Tòa án nhân dân huyện Phú Lương buộc bà Đinh Thị M phải trả toàn bộ số tiền nợ gốc, nợ lãi tính đến ngày khởi kiện theo Hợp đồng 5601 là 162.142.500 đồng (trong đó nợ gốc: 103.400.000 đồng và nợ lãi 58.742.500 đồng) đồng thời buộc ông Phạm Đăng T liên đới có nghĩa vụ trả nợ. Trong trường hợp bà M không thực hiện nghĩa vụ thanh toán khoản nợ nêu trên Quỹ tín dụng có quyền yêu cầu Cơ quan Thi hành án dân sự tiến hành kê biên, phát mại tài sản và nguồn thu khác của bà Đinh Thị M để thu hồi toàn bộ khoản nợ cho Quỹ tín dụng. Trong quá trình giải quyết vụ án, ngày 23/12/2024 Quỹ tín dụng có đơn xin rút một phần yêu cầu khởi kiện đối với ông Phạm Đăng T, đề nghị Tòa án buộc bà Đinh Thị M có nghĩa vụ trả nợ toàn bộ khoản vay theo hợp đồng tín dụng đã ký kết.

*Quá trình tham gia tố tụng bị đơn bà M xác định có ký kết hợp đồng tín dụng với Quỹ tín dụng khi còn công tác tại Trường tiểu học P1, thừa nhận đã nhận được số tiền vay cũng như số tiền đã trả nợ cho Quỹ tín dụng cũng như nhất trí việc khởi kiện yêu cầu thanh toán tiền gốc, tiền lãi đồng thời nhận nghĩa vụ trả nợ không yêu cầu ông T cùng có nghĩa vụ trả nợ. Tuy nhiên, sau khi vay tiền tại Quỹ, kinh tế gặp khó khăn dẫn đến bà không trả được nợ, mong Quỹ tín dụng xem xét tạo điều kiện về thời gian để bà có điều kiện trả nợ, hiện nay bà chưa được Bảo hiểm xã hội huyện P chi trả lương hàng tháng nên chưa có điều kiện để thanh toán, đề nghị Quỹ tín dụng cho thời hạn khi nào có lương sẽ trích hàng tháng để chi trả cho quỹ tín dụng, đồng thời đề nghị Quỹ tín dụng miễn lãi suất.

*Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan: trong quá trình Tòa án tổng đạt văn bản tố tụng ông Phạm Đăng T không hợp tác và không có bản tự khai, tại Biên bản làm việc ngày 13/3/2025 ông T trình bày dưới sự chứng kiến của tổ trưởng tổ dân phố nhưng không ký biên bản, ông T xác định: Năm 2018 giữa ông và bà M đã được Tòa án nhân dân huyện Phú Lương, tỉnh Thái Nguyên giải quyết ly hôn,

sau khi ly hôn bà M không cùng sinh sống với gia đình ông. Đối với hợp đồng tín dụng bà M đã ký kết ông không biết, giai đoạn năm 2016-2017 ông đang đi làm ở Trung Quốc, đối với chữ ký, chữ viết “T” “Phạm Đăng T” tại Đơn xin vay và cam kết trả nợ đề ngày 26/12/2017 tại hồ sơ vay vốn không phải do ông ký và viết ra, ông không được biết bà M có mua xe hay không vì thực tế khi ông và bà M ly hôn không có tài sản là xe ô tô, ông không có liên quan gì đến khoản vay của bà M, không liên quan đến vụ án nên đề nghị không triệu tập ông tham gia phiên tòa.

*Tại phiên tòa đại diện nguyên đơn giữ nguyên quan điểm khởi kiện về các nội dung đã đề nghị:

- Xin rút yêu cầu đối với ông Phạm Đăng T về việc có nghĩa vụ liên đới với bà Đinh Thị M trả nợ cho Quỹ tín dụng Nhân dân P

-Buộc bà Đinh Thị M có nghĩa vụ trả nợ cho Quỹ tín dụng số tiền còn nợ theo Hợp đồng 5601 tính đến ngày xét xử sơ thẩm (15/4/2025) với tổng số tiền là 201.440.100 đồng (trong đó nợ gốc: 103.400.000 đồng, nợ lãi: 98.040.100 đồng)

Tiếp tục, đề nghị Tòa án xem xét giải quyết buộc bà M phải trả cho Quỹ tín dụng các khoản lãi, lãi quá hạn phát sinh theo đúng thỏa thuận tại Hợp đồng tín dụng tính từ ngày 16/4/2025 cho đến khi thanh toán xong toàn bộ khoản nợ. Trong trường hợp bà M không thực hiện nghĩa vụ thanh toán khoản nợ nêu trên Quỹ tín dụng có quyền yêu cầu Cơ quan Thi hành án dân sự tiến hành kê biên, phát mại tài sản và nguồn thu khác của bà Đinh Thị M để thu hồi toàn bộ khoản nợ cho Quỹ tín dụng.

*Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Phú Lương phát biểu:

Về tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử đã chấp hành đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự từ khi thụ lý vụ án cho đến trước khi hội đồng xét xử nghị án; nguyên đơn, bị đơn chấp hành đúng quy định pháp luật.

Về nội dung: Viện kiểm sát nhân dân huyện Phú Lương, đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 26, Điều 143, Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 463, Điều 465, Điều 466, Điều 468, Điều 470 của Bộ luật dân sự năm 2015; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, Nghị quyết 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao.

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Quỹ tín dụng. Buộc bà Đinh Thị M có nghĩa vụ trả cho Quỹ tín dụng tổng số tiền đến ngày xét xử sơ thẩm (15/4/2025) tổng số tiền là 201.440.100 đồng (trong đó nợ gốc: 103.400.000 đồng, nợ lãi: 98.040.100 đồng).

Bà M phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về tố tụng:

[1.1] Về quan hệ pháp luật tranh chấp: Theo đơn khởi kiện của Quý tín dụng đối với bà Đinh Thị M theo Hợp đồng 5601 (áp dụng giữa QTDND với khách hàng là cán bộ, giáo viên) do đó xác định do đó xác định quan hệ pháp luật là tranh chấp hợp đồng tín dụng theo quy định tại khoản 3 Điều 26 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[1.2] Về địa chỉ của bị đơn: Tại thời điểm ký kết hợp đồng tín dụng (ngày 27/12/2017) bà Đinh Thị M là giáo viên của T1 tiểu họ Phấn Mễ II, có nơi thường trú xóm B, xã P (nay là TDP B, TT G, huyện P), đến ngày 29/8/2018 bà M chuyển công tác đến trường Tiểu học Túc Tranh đến ngày 22/01/2020 bà M được Ủy ban nhân dân huyện P cho thôi việc ngay theo nguyện vọng. Quá trình xác minh nơi thường trú công an thị trấn G xác định tại thời điểm xác minh ngày 24/01/2025 bà M vẫn có đăng ký hộ khẩu thường trú tại tổ dân phố B, thị trấn G, huyện P, tỉnh Thái Nguyên, không có địa chỉ nào khác. Quá trình giải quyết vụ án, đồng thời tại biên bản làm việc ngày 21/3/2025 cùng với đại diện nguyên đơn, bà M xác định sau khi ly hôn bà không sinh sống tại tổ dân phố B, thị trấn G, huyện P mà chuyển về gia đình nhà ngoại sinh sống đồng thời đi làm ăn ở thành phố T, do đó đề nghị liên hệ qua điện thoại hoặc gửi văn bản cho chị gái có địa chỉ tại tổ dân phố L, thị trấn Đ, huyện P, tỉnh Thái Nguyên do đó Hội đồng xét xử xác định địa chỉ bị đơn tại tổ dân phố B, thị trấn G, huyện P, tỉnh Thái Nguyên

[1.3] Về thẩm quyền: tại khoản 3 Điều 7 hợp đồng tín dụng 5601 ngày 27/12/2017 quy định *“Khi xảy ra tranh chấp mà hai bên không thương lượng được thì sẽ đề nghị Tòa án nhân dân cấp có thẩm quyền nơi bên A đặt trụ sở xét xử”*, do bị đơn không có địa chỉ cụ thể, nguyên đơn trụ sở tại thị trấn Đ, huyện P, tỉnh Thái Nguyên căn cứ điểm a khoản 1 Điều 35; điểm b khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự xác định, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Phú Lương, tỉnh Thái Nguyên.

[1.4] Về việc vắng mặt các đương sự: Quá trình giải quyết vụ án ông T không ký nhận văn bản tố tụng, từ chối tham gia tố tụng đồng thời khi nhận Quyết định đưa vụ án ra xét xử ông đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt, đối với bị đơn bà M có đơn đề nghị xét xử vắng mặt Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử quyết định tiến hành xét xử vắng mặt đối với bà Đinh Thị M và ông Phạm Đăng T.

[1.5] Xét nguyên đơn rút một phần yêu cầu khởi kiện đối với ông Phạm Đăng T, Hội đồng xét xử nhận thấy việc nguyên đơn rút một phần yêu cầu khởi kiện là hoàn toàn tự nguyện, bị đơn bà M nhất trí nội dung rút yêu cầu khởi kiện và nhận chịu trách nhiệm thanh toán toàn bộ khoản vay căn cứ vào khoản 2 Điều 244 của Bộ luật Tố tụng dân sự nên được chấp nhận, Hội đồng xét xử đình chỉ yêu cầu khởi kiện của Quý tín dụng đối với ông Phạm Đăng T.

[2]. Về nghĩa vụ thanh toán:

[2.1] Căn cứ Hợp đồng 5601 (Áp dụng giữa QTDND với khách hàng là cán bộ, giáo viên) được ký kết giữa Quỹ tín dụng với bà Đinh Thị M. Sau khi ký kết hợp đồng, Quỹ tín dụng đã giải ngân cho bà M theo Phụ lục hợp đồng kèm theo Hợp đồng với số tiền 200.000.000 đồng. Trong quá trình thực hiện hợp đồng, bà M không thực hiện việc trả nợ gốc, lãi, theo đúng kỳ hạn trả nợ (từ ngày 28/12/2019) là vi phạm nghĩa vụ thanh toán. Quỹ tín dụng đã đôn đốc trả nợ nhiều lần nhưng bà M không thực hiện nghĩa vụ trả nợ, như vậy bị đơn vi phạm nghĩa vụ trả nợ theo quy định tại Điều 282 Bộ luật Tố tụng dân sự và khoản 4 Điều 5 Hợp đồng 5601, do đó Quỹ tín dụng khởi kiện yêu cầu Tòa án nhân dân huyện Phú Lương buộc bị đơn có nghĩa vụ trả nợ là có căn cứ chấp nhận.

[2.2] Xét yêu cầu khởi kiện số tiền nợ gốc: Quá trình giải quyết giữa nguyên đơn và bị đơn thống nhất số tiền gốc đã thanh toán và số tiền gốc bị đơn còn nợ theo Hợp đồng tín dụng như nguyên đơn đã khởi kiện. Đây là các tình tiết, sự kiện không cần phải chứng minh theo quy định tại Điều 92 Bộ luật Tố tụng dân sự, bà Đinh Thị M phải chịu trách nhiệm và nghĩa vụ đối với khoản nợ gốc trên, căn cứ Điều 103 Luật các tổ chức tín dụng năm 2024 và Điều 466 Bộ luật Dân sự 2015 chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc bà Đinh Thị M phải có nghĩa vụ trả nợ gốc cho Q1 tín dụng tính đến ngày xét xử sơ thẩm 15/4/2025 tổng số tiền nợ gốc là: 103.400.000 đồng.

[2.3] Xét yêu cầu về tính lãi: Theo Điều 3 của Hợp đồng 5601 xác định: Lãi suất cho vay là 1%/tháng, giữa Quỹ tín dụng và bà M nhất trí áp dụng lãi suất cho vay có điều chỉnh; thống nhất việc điều chỉnh lãi suất cho vay khi đến kỳ điều chỉnh được thực hiện theo của Quỹ tín dụng và mức lãi suất cho vay được áp dụng theo lãi suất điều chỉnh của Quỹ tín dụng tại thời điểm điều chỉnh có trách nhiệm thông báo cho bà M bằng văn bản về mức lãi suất cho vay điều chỉnh (nếu có sự thay vào ngày điều chỉnh) áp dụng cho kỳ tiếp theo; Thông báo này là một bộ phận không thể tách rời của hợp đồng tín dụng và làm cơ sở để tính lãi tiền vay. Trong trường hợp bà M không trả được nợ đúng hạn mà không có thỏa thuận nào khác với Quỹ tín dụng thì chịu lãi suất nợ quá hạn bằng 150% lãi suất cho vay có điều chỉnh tại thời điểm chuyển nợ quá hạn theo thông báo của Bên A tính trên số nợ quá hạn, mức lãi suất thỏa thuận phù hợp với khoản 2 Điều 100 Luật tổ chức tín dụng năm 2024 (khoản 2 Điều 91 Luật Tổ chức tín dụng năm 2010) các Điều 280, Điều 466, Điều 468 Bộ luật dân sự 2015 do đó buộc bị đơn có nghĩa vụ chịu lãi suất chậm trả trên số tiền chưa thanh toán tính đến ngày 15/4/2025 với tổng số tiền 98.040.100 đồng trong đó: Dư nợ trong hạn từ 28/11/2019 đến ngày 31/3/2020 là 103.400.000 đồng $\times$ 124 ngày $\times$ 12%/365 ngày = 4.215.300 đồng; Lãi quá hạn tính từ ngày 31/3/2020 đến 15/4/2025 là 103.400.000 đồng $\times$ 1.840 ngày $\times$ 18%/365 = 93.824.800 đồng.

Buộc bà Đinh Thị M tiếp tục phải chịu lãi suất theo lãi suất quá hạn trong hợp đồng tín dụng đã ký kết kể từ ngày tiếp theo ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thanh toán xong toàn bộ khoản nợ.

Như phân tích trên, xác định tổng số tiền bà Đinh Thị M phải trả cho Quỹ tín dụng tính đến ngày 15/4/2025 (ngày xét xử sơ thẩm) là: 201.440.100 đồng, trong đó nợ gốc là 103.400.000 đồng; số tiền lãi chậm trả là: 98.040.100 đồng.

[3] Tại Điều 6 của hợp đồng xác định Hình thức bảo đảm tiền vay được thực hiện bằng thu nhập từ tiền lương, trợ cấp và các khoản thu nhập khác đồng thời bà M1 cam kết thực nghĩa vụ trả nợ trường hợp không thực hiện đúng cam kết thì phải thực hiện biện pháp bảo đảm bằng tài sản theo yêu cầu của Quỹ tín dụng. Do đó, trong trường hợp bà M không thực hiện nghĩa vụ thanh toán khoản nợ Quỹ tín dụng có quyền yêu cầu Cơ quan Thi hành án dân sự tiến hành kê biên, phát mại tài sản và nguồn thu khác của bà Đinh Thị M để thu hồi toàn bộ khoản nợ cho Quỹ tín dụng

[4] Về án phí: Yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận do đó nguyên đơn không phải chịu án phí sơ thẩm, hoàn trả lại tiền tạm ứng án phí sơ thẩm cho nguyên đơn. Buộc bị đơn phải chịu toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm theo quy định pháp luật.

[5] Quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo theo quy định pháp luật.

[6] Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Phú Lương tại phiên tòa phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

Vì các lẽ trên.

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm b khoản 1 Điều 39, Điều 147, khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228, Điều 271, khoản 1 Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 117, khoản 2 Điều 244, Điều 280, Điều 282, Điều 351, Điều 357, Điều 401, Điều 463, Điều 466, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015; Điều 103 Luật các tổ chức tín dụng. Luật phí và lệ phí số 97/2015/QH 13 ngày 25/11/2015; Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

[1] Đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của Quỹ tín dụng nhân dân P đối với nghĩa vụ liên đới của ông Phạm Đăng T.

[2] Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Quỹ tín dụng nhân dân P đối với bà Đinh Thị M. Buộc bà Đinh Thị M có nghĩa vụ thanh toán cho Quỹ tín dụng nhân dân Phú Lương tổng số tiền tính đến ngày xét xử sơ thẩm 15/4/2025 là 201.440.100 đồng (Hai trăm linh một triệu, bốn trăm bốn mươi bốn nghìn, một trăm đồng). Trong đó: nợ gốc là 103.400.000 đồng; nợ lãi là 98.040.100 đồng)

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm, bà Đinh Thị M còn phải tiếp tục chịu lãi suất phát sinh trên số tiền chưa thanh toán theo mức lãi suất mà các

bên thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc này.

[3] Trong trường hợp bà Đinh Thị M không thực hiện nghĩa vụ thanh toán khoản nợ nêu trên Quỹ tín dụng nhân dân P có quyền yêu cầu Cơ quan Thi hành án dân sự tiến hành kê biên, phát mại tài sản và nguồn thu khác của bà Đinh Thị M để thu hồi toàn bộ khoản nợ cho Quỹ tín dụng nhân dân P.

[4]. Về án phí: Buộc bà Đinh Thị M phải nộp 10.072.000 đồng (Mười triệu không trăm bảy mươi hai nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm nộp ngân sách nhà nước. Nguyên đơn không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm, trả lại cho Q1 tín dụng nhân dân Phú Lương số tiền 4.054.000 đồng (Bốn triệu không trăm năm mươi bốn nghìn đồng) tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0004723 ngày 25/10/2024 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Phú Lương.

[5]. Quyền kháng cáo: Quỹ tín dụng nhân dân huyện P có mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bà Đinh Thị M và ông Phạm Đăng T vắng mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án tự nguyện hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 9 Luật Thi hành án Dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án Dân sự.

Nơi nhận

- TAND tỉnh Thái Nguyên;
- VKSND TP. Thái Nguyên
- Chi cục THADS huyện Phú Lương;
- Dương sự;
- Lưu.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Chu Thị Bích Hiền